

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 08-7-2026

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Bé.

2. Bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Đặng Thị Kim Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Trần Tường Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026 về việc “tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 76/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Minh B, sinh ngày 08/3/1986.

Căn cước công dân số: 080186005320, cấp ngày 10/3/2026.

Địa chỉ: ấp 7 Nhựt Chánh, xã X, tỉnh Tây Ninh (địa chỉ cũ: xã N, huyện M, tỉnh Long An)

2. Bị đơn: ông Nguyễn Thái A, sinh ngày 11/9/1987.

Căn cước công dân số: 080087010802, cấp ngày 09/8/2021.

Địa chỉ: số 57/3, ấp Bình Lợi, xã TTr, tỉnh Tây Ninh (địa chỉ cũ: thị trấn TTr, huyện TTr, tỉnh Long An).

(Bà B và ông A vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2026, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Nguyễn Thái A kết hôn từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Long An ngày 13/7/2015. Chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Thái A đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không hòa hợp được nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Hiện bà với ông Nguyễn Thái A không còn sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2025 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà quyết định ly hôn với ông Nguyễn Thái A.

- Về con chung: bà và ông Nguyễn Thái A có một người con chung tên Nguyễn Thái Tr, sinh ngày 19/01/2016. Hiện người con chung đang sống cùng với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng người con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Thái A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thái A đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt và không thể hiện ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tòa án đã xác định đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của đương sự. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo tố tụng.

- Về nội dung:

Theo lời trình bày của bà B thì trong quá trình chung sống, bà B và ông A thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày. Bà B và ông A đã ly thân từ tháng 10/2025 đến nay. Nay bà B yêu cầu được ly hôn với ông A. Về phía ông A vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà B và ông A là có thật, ông A đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân với bà B và không có ý muốn hàn gắn cuộc hôn nhân này. Xét thấy, ông A và bà B đều không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà B là có căn cứ để chấp nhận.

Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thái Tr sinh ngày 19/01/2016, hiện đang sống chung với bà B. Khi ly hôn, bà B yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu Trọng và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Về phía ông A vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì. Xét thấy, cháu Trọng hiện đang sống cùng bà B nên đề ổn định tâm tư, tình cảm của các cháu thì cần tiếp tục để bà B nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Mặt khác, cháu Trọng sinh ngày 19/01/2016, tính đến thời điểm xét xử cháu đã hơn 07 tuổi nên cần xem xét nguyện vọng của cháu theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tại Đơn trình bày nguyện vọng ngày 07/5/2026, cháu Trọng có nguyện vọng được sống với mẹ. Nguyện vọng của cháu phù hợp với yêu cầu của bà B nên có căn cứ để chấp nhận, giao cháu Trọng cho bà B nuôi dưỡng.

+ Bà B không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: bà B trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông A không có ý kiến gì nên không xem xét.

+ Về nợ chung ông: bà B trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông A không có ý kiến gì; không có ai khởi kiện yêu cầu bà B và ông A trả nợ nên không xem xét, nếu sau này có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh B về việc ly hôn đối với ông Nguyễn Thái A, bà Nguyễn Thị Minh B được ly hôn với ông Nguyễn Thái A.

+ Về con chung: Bà Nguyễn Thị Minh B được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thái Tr sinh ngày 19/01/2016. Ông Nguyễn Thái A không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy chứng nhận kết hôn, trích lục khai sinh con, căn cước công dân, phiếu xác minh nơi cư trú, đơn yêu cầu không hoà giải đối thoại, sớm giải quyết, vận đơn, biên bản hòa giải không được, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ không được và các tài liệu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Minh B khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thái A, đồng thời ông A có nơi cư trú tại xã TTr, tỉnh Tây Ninh. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ để thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.2] Ông Nguyễn Thái A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; đồng thời bà B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bà B và ông A.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Theo giấy chứng nhận kết hôn số 84/2015 ngày 13 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Long An (nay là xã X, tỉnh Tây Ninh) thì ông Nguyễn Thái A và bà Nguyễn Thị Minh B là vợ chồng hợp pháp.

[3.2] Theo hồ sơ thể hiện, nguyên đơn cho rằng, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Bà B và ông Nguyễn Thái A đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không hòa hợp được nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Bà B và ông A đã ly thân từ tháng 10 năm 2025 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định để tổng đạt các văn bản tố tụng và thông báo cho ông A biết về yêu cầu ly hôn của bà B. Tuy nhiên, ông A không đến Tòa án làm việc, hòa giải, không thể hiện ý kiến về các vấn đề liên quan đến vụ án ly hôn. Điều này chứng tỏ ông A không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà B; từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở đánh giá, quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông A đã *"... lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B.

[3.3] Về con chung: theo trích lục khai sinh số 36/TLKS-BS ngày 30/01/2016 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Long An thì bà B và ông A có con chung tên Nguyễn Thái Tr, sinh ngày 19/01/2016. Hiện con chung đang sống cùng bà B và đã trên 07 tuổi có nguyện vọng tiếp tục sống cùng bà B sau khi bà B và ông A ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho trẻ vị thành niên cần giao cho bà B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[3.4] Về cấp dưỡng: không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về tài sản chung: không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.6] Về nợ chung: bà B trình bày là không có; đồng thời không có người yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ đó thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận và lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí: bà Nguyễn Thị Minh B phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh B.

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Minh B được ly hôn với ông Nguyễn Thái A.

[2] Về con chung: bà Nguyễn Thị Minh B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thái Tr, sinh ngày 19/01/2016.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định của pháp luật.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng: không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: buộc bà Nguyễn Thị Minh B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà B đã nộp theo biên lai thu số 0010285 ngày 13/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

[7] Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 5-Tây Ninh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5-Tây Ninh;
- UBND xã X, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cảnh

